

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO VÀ HỘI THÁNH TIN LÀNH VIỆT NAM (MIỀN NAM) - CHẶNG ĐƯỜNG TIẾP THEO CỦA PHÁP NHÂN TÔN GIÁO THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Nguyễn Thanh Xuân*

Tóm tắt: Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo và Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) là hai tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động và ảnh hưởng xã hội quan trọng ở miền Nam. Do vậy, sau khi công nhận pháp nhân đối với các tổ chức Cao Đài, trong khoảng thời gian từ năm 1998 đến năm 2001, hai tổ chức tôn giáo là Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo và Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân. Đây là chặng đường tiếp theo của quá trình công nhận pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới. Bằng việc tổng thuật, phân tích những nét đặc thù và những ứng xử cụ thể trong quá trình đi đến công nhận tư cách pháp nhân của hai tổ chức tôn giáo nói trên, bài viết ghi lại những kinh nghiệm quan trọng trong công tác quản lý tôn giáo thời kỳ Đổi mới.

Từ khóa: Chính sách tôn giáo, pháp nhân tôn giáo, Phật giáo Hoà Hảo, đạo Tin Lành.

Abstract: The Hòa Hảo Buddhist Church and the Evangelical Church of Vietnam (South) are two religious organizations with a significant scope of activity and social influence in southern Vietnam. Accordingly, following the recognition of legal status for Cao Đài organizations, during the period from 1998 to 2001, the State granted legal personality to the Hòa Hảo Buddhist Church and the Evangelical Church of Vietnam (South). This marked a subsequent stage in the process of recognizing the legal status of religious organizations in Vietnam during the Đổi Mới period. By reviewing and analyzing the distinctive characteristics and concrete approaches involved in the process leading to the recognition of legal personality for these two religious organizations, the article records important experiences in religious administration during the Đổi Mới era.

Keywords: Religious policy; legal personality of religious organizations; Hòa Hảo Buddhism; Protestantism.

Ngày nhận bài: 15/8/2025; ngày phản biện: 19/12/2025; ngày duyệt đăng: 18/1/2026.

DẪN NHẬP

Phật giáo Hoà Hảo là tôn giáo nội sinh do ông Huỳnh Phú Sổ lập ra năm 1939 tại An Giang. Lúc mới ra đời, Phật giáo Hoà Hảo không chủ trương hình thành bộ máy tổ chức (giáo hội), nhưng khi Phật giáo Hoà Hảo phát triển với lực lượng tín đồ đông đảo, lúc này cần có

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Email: xuanregov@gmail.com.

thiết chế tổ chức để quản lý điều hành. Năm 1945, tổ chức của Phật giáo Hòa Hảo được hình thành do ông Huỳnh Phú Sổ làm Hội trưởng. Sau một thời gian gián đoạn, năm 1964, giáo quyền Phật giáo Hòa Hảo được phục hồi củng cố trở lại với việc thành lập Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo hoạt động theo bản Hiến chương được chính quyền Sài Gòn thừa nhận tại Sắc luật số 002/65, ngày 12/7/1965 (Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, 1966). Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, sau khi được xác lập, lại rơi vào tình trạng chia rẽ, thậm chí có thời gian cùng lúc hình thành ba Ban Trị sự Trung ương tồn tại cho đến ngày miền Nam giải phóng (Bùi Thị Thu Hà, 2012, tr. 116-117). Sau thời điểm này, với số lượng 1,4 triệu tín đồ, nhưng do những hoạt động dính líu đến chính trị của một số phần tử cực đoan nên tổ chức của Phật giáo Hòa Hảo chưa được công nhận tư cách pháp nhân, các sinh hoạt của tín đồ Phật giáo Hòa Hảo chỉ duy trì tại gia đình.

Với đạo Tin Lành, 1911 là năm đánh dấu đạo truyền vào Việt Nam bằng việc Hội Truyền giáo CMA (viết tắt của The Christian and Missionary Alliance), xây dựng chi hội đầu tiên ở Đà Nẵng. Năm 1927 tổ chức Tin Lành ở Việt Nam được thành lập với tên gọi Hội Tin Lành Đông Pháp, sau đó, đến năm 1942 đổi thành Hội thánh Tin Lành Việt Nam, được Toàn quyền Đông Dương công nhận (Lê Hoàng Phu, 2010). Sau năm 1954, đất nước bị chia cắt thành hai miền, đạo Tin Lành ở miền Bắc và miền Nam có sự khác nhau. Ở miền Nam, những năm 1954 - 1975, Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) phát triển nhanh về tín đồ, chức sắc cũng như quy mô tổ chức giáo hội và phạm vi hoạt động. Đến năm 1975, Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) có số lượng tín đồ là 140.000, trong đó có 55.000 tín đồ thuộc các dân tộc ít người ở Tây Nguyên. Năm 1965, Hội thánh Tin Lành Việt Nam được chính quyền Sài Gòn thừa nhận (Hội thánh Tin Lành Việt Nam, 1958). Do vậy, bước vào thời kỳ Đổi mới, một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác tôn giáo là công nhận tư cách pháp nhân của các tổ chức tôn giáo ở miền Nam, trong đó có Phật giáo Hòa Hảo và Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam).

Ở Việt Nam, nghiên cứu về Phật giáo Hoà Hảo, đạo Tin Lành ít có công trình được công bố so với Phật giáo, Công giáo, đạo Cao Đài,... Do vậy, viết về quá trình công nhận tư cách pháp nhân của Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo và Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) thời kỳ Đổi mới chủ yếu dựa vào các tư liệu của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương là Ban Tôn giáo Chính phủ và Ban Tôn giáo các tỉnh, thành phố có liên quan¹. Cùng với đó là những tư liệu và thực tế mà bản thân tác giả bài viết lưu giữ với tư cách là người đề xuất chủ trương và tổ chức thực hiện vấn đề pháp nhân của Phật giáo Hòa Hảo và đạo Tin Lành. Một số văn bản về chính sách của Trung ương đối với Phật giáo Hòa Hảo và đạo Tin Lành mang tính nội bộ, tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, các cơ quan chức năng đã thông tin các văn bản này đến các chức sắc và đại diện tôn giáo có liên quan một cách phù hợp.

Ngoài những tư liệu nói trên, còn có một số công trình nghiên cứu về Phật giáo Hoà Hảo và Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) đã công bố. Có thể kể đến công trình của

¹ Ban Tôn giáo Chính phủ và các Ban Tôn giáo tỉnh/thành phố được sử dụng theo tên cũ trước khi hợp nhất trong các Ban Tôn giáo thuộc Bộ Dân tộc - Tôn giáo và Sở Dân tộc - Tôn giáo.

Bùi Thị Thu Hà (2012) về *Phật giáo Hòa Hảo tri thức cơ bản* do Nhà xuất bản Từ điển bách khoa ấn hành, trong đó đề cập đến việc công nhận pháp nhân của Phật giáo Hoà Hảo thời kỳ Đổi mới. Mục sư Lê Hoàng Phu (2010) có một công trình viết công phu và thuyết phục là *Lịch sử Hội thánh Tin Lành Việt Nam (1911 - 1965)*, trong đó có vấn đề pháp nhân của Hội thánh Tin Lành Việt Nam trước năm 1965. Đỗ Hữu Nghiêm (1995) với chuyên khảo *Đạo Tin Lành ở Tây Nguyên, Nam Trường Sơn* cũng có một số thông tin về pháp nhân của một số tổ chức Tin Lành trước năm 1975. Luận án tiến sĩ Lịch sử của Nguyễn Xuân Hùng (2017) *Quá trình truyền giáo của đạo Tin Lành tại Việt Nam (Từ năm 1911 đến năm 1975)* có những thông tin về chấp thuận của chính quyền đối với một số tổ chức Tin Lành trước năm 1975,... Đây là những tư liệu quý, góp phần làm rõ thêm tiến trình thành lập pháp nhân của Phật giáo Hoà Hảo và Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam).

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích và đánh giá, bài viết nhằm giới thiệu, tổng thuật lại các chính sách và việc công nhận tổ chức của Phật giáo Hòa Hảo và đạo Tin Lành cũng như chặng đường công nhận tư cách pháp nhân của hai tôn giáo này trong thời kỳ Đổi mới².

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Chính sách và việc công nhận tổ chức của Phật giáo Hòa Hảo thời kỳ Đổi mới

1.1. Chính sách đối với Phật giáo Hòa Hảo thời kỳ Đổi mới

Phật giáo Hòa Hảo là tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ hình thành vào nửa đầu thế kỷ XX, cùng với thời gian, trở thành một tôn giáo lớn. Trong quá trình tồn tại và phát triển, đa số tín đồ Phật giáo Hòa Hảo gắn bó và đóng góp cho cách mạng. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố tác động, trong một số giai đoạn trước năm 1975, cũng như đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo “hoạt động chính trị nhiều hơn hoạt động tôn giáo”. Từ năm 1946 đến năm 1954, Đảng Việt Nam Dân chủ xã hội (quen gọi là Đảng Dân xã), lực lượng vũ trang Phật giáo Hòa Hảo (quen gọi là Liên đội Nguyễn Trung Trực) đã chi phối hầu hết các hoạt động của Phật giáo Hòa Hảo theo hướng tiêu cực. Sau này, trong thời kỳ Mỹ xâm lược miền Nam, khi thành lập Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, Đảng Ba sao và Tổng đoàn Bảo an, là những tổ chức chính trị, vẫn chi phối nhiều hoạt động của Phật giáo Hòa Hảo. Không những thế, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo lại phân rã thành ba đầu mối, đều chịu sự tác động của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Sau ngày giải phóng miền Nam, do những hoạt động dính líu đến chính trị, nhất là những hoạt động chống phá chính quyền cách mạng của một số phần tử cực đoan nên ngày 19/6/1975, bà Huỳnh Thị Kim Biên (em gái ông Huỳnh Phú Sổ) và ông Huỳnh Văn Quốc ra thông báo giải tán ban trị sự các cấp của Phật giáo Hòa Hảo (Nguyễn Thanh Xuân, 2016, tr. 409). Các sinh hoạt của tín đồ Phật giáo Hòa Hảo chỉ duy trì tại gia đình, không có bất cứ hoạt động nào thuộc tổ chức. Mặc dù không được công nhận về tổ chức, nhưng Phật giáo Hòa Hảo

² Tên các địa danh trong bài viết này vẫn dùng theo tên cũ trước khi sáp nhập các tỉnh, thành từ ngày 01/7/2025.

vẫn duy trì số lượng tín đồ trên dưới 1,5 triệu tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ, trong đó tập trung chủ yếu ở An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang,...

Với việc đổi mới về chính sách tôn giáo, sau khi công nhận tư cách pháp nhân của các tổ chức đạo Cao Đài, trường hợp của Phật giáo Hòa Hảo cũng được Đảng và Nhà nước quan tâm giải quyết một cách phù hợp. Qua một thời gian chuẩn bị, Ban Tôn giáo Chính phủ xây dựng Tờ trình 08/TT-TGCP, ngày 13/8/1998 *Về chủ trương công tác với Phật giáo Hòa Hảo trong tình hình mới* gửi Thường vụ Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở phân tích đánh giá Phật giáo Hòa Hảo về phương diện tôn giáo và xã hội, nhất là nhu cầu sinh hoạt tôn giáo và những đóng góp của Phật giáo Hòa Hảo đối với đất nước, đặc biệt sau ngày giải phóng miền Nam, Ban Tôn giáo Chính phủ đã đề nghị:

Một là, Phật giáo Hòa Hảo là một tôn giáo mang những yếu tố của Phật giáo, đặc biệt người theo là nông dân lao động. Quá trình phát triển, tuy một bộ phận bị lợi dụng vào những hoạt động chính trị của các thế lực xâm lược, nhưng đông đảo tín đồ có tinh thần yêu nước vẫn gắn bó với cách mạng.

Hai là, nhìn nhận và giải quyết vấn đề Phật giáo Hòa Hảo với tư cách là một tôn giáo, từ đó các sinh hoạt tôn giáo của tín đồ được tôn trọng và đảm bảo ở gia đình và nơi thờ tự.

Ba là, công nhận về mặt tổ chức của Phật giáo Hòa Hảo theo truyền thống với những bước đi phù hợp, vừa đảm nhiệm chức năng tôn giáo cần thiết, vừa làm đầu mối đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động của Phật giáo Hòa Hảo theo quy định pháp luật (Ban Tôn giáo Chính phủ, 1998).

Những đề xuất nói trên được Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa VIII chấp thuận qua Thông báo số 165-TB/TW ngày 04/9/1998 *về chủ trương công tác đối với Phật giáo Hòa Hảo* của Văn phòng Trung ương Đảng (Bùi Thị Thu Hà, 2012, tr. 191).

Mặc dù khi tiến hành công nhận về tổ chức và hoạt động của Phật giáo Hòa Hảo, có một số trở ngại như việc xuất hiện nhóm ly khai do ông Lê Quang Liêm đứng đầu với ý định “Phục hoạt Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo”, bên cạnh đó một số ít cán bộ còn thành kiến đối với quá khứ của Phật giáo Hòa Hảo, nhưng việc công nhận tổ chức và hoạt động của Phật giáo Hòa Hảo đã có những bước đi phù hợp, cả về bộ máy tổ chức và sự quản lý hiện hành ở các địa phương. Trước hết, Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo được thành lập, sau đó là việc xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Đại diện - một bước tiên khởi quan trọng của pháp nhân Phật giáo Hòa Hảo. Điều đáng quan tâm là chủ trương thành lập Ban Đại diện và Quy chế hoạt động của Phật giáo Hòa Hảo được các cấp, các ngành đồng thuận, được tuyệt đại đa số tín đồ Phật giáo Hòa Hảo ủng hộ, nên công tác tổ chức thực hiện thuận lợi.

1.2. Pháp nhân Phật giáo Hòa Hảo: Từ Ban Đại diện đến Giáo hội, từ Quy chế đến Hiến chương

Sau khi Trung ương có chủ trương công tác đối với Phật giáo Hòa Hảo, Ban Tôn giáo Chính phủ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, trong đó chú trọng việc giúp cộng đồng

Phật giáo Hòa Hảo thành lập và được công nhận về tổ chức. Phật giáo Hòa Hảo là tôn giáo nội sinh tập trung ở miền Tây Nam Bộ, trong đó tỉnh An Giang là nơi phát sinh, có Tổ đình và cơ quan Trung ương trước năm 1975, là nơi có số lượng tín đồ đông đảo (chiếm đến 70% tổng số tín đồ). Do vậy, vấn đề quan trọng trong quá trình thực hiện phải cùng với chính quyền tỉnh An Giang và các địa phương có liên quan thống nhất nhận thức, quán triệt chủ trương của Trung ương đối với Phật giáo Hòa Hảo. Cũng cần định rõ các công việc cụ thể và sự phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong việc hướng dẫn Phật giáo Hòa Hảo các bước để tiến tới đại hội công nhận về tổ chức. Điều này càng quan trọng đối với Phật giáo Hòa Hảo, bởi đây là tôn giáo chỉ có tín đồ, không có chức sắc mang tính chuyên nghiệp như các tôn giáo khác.

Tháng 12/1998, Đại diện Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban Dân vận Trung ương đã tổ chức triển khai trong hệ thống chính trị ở An Giang và các địa phương có Phật giáo Hòa Hảo về chủ trương công tác đối với Phật giáo Hòa Hảo, theo Thông báo số 165/TB-TW (1998). Đại diện Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban Dân vận Trung ương phối hợp với chính quyền tỉnh An Giang gặp gỡ những tín đồ tiêu biểu, trí thức của Phật giáo Hòa Hảo cùng đại diện họ Huỳnh ở Tổ đình Phật giáo Hòa Hảo. Tại cuộc gặp gỡ quan trọng này, Ban Tôn giáo Chính phủ thông báo chủ trương mới đối với Phật giáo Hòa Hảo theo tinh thần Thông báo số 165/TB-TW (1998), và hướng dẫn thành lập Ban Vận động để thực hiện các bước chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn đạo, tiến tới công nhận tư cách pháp nhân của Phật giáo Hòa Hảo (Bùi Thị Thu Hà, 2012, tr. 191).

Sau một thời gian chuẩn bị, dưới sự dẫn dắt của Ban Vận động Phật giáo Hòa Hảo do ông Nguyễn Văn Tôn làm Trưởng ban, ngày 26/5/1999, Đại hội đại biểu Phật giáo Hòa Hảo nhiệm kỳ I được tổ chức tại An Hòa Tự (An Giang) - Trụ sở của Phật giáo Hòa Hảo, với khoảng 500 đại biểu là tín đồ trong toàn đạo. Đại hội có sự tham dự của ông Lê Quang Vịnh, Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ, ông Bùi Quang Tôn, Phó Trưởng ban Ban Dân vận Trung ương, đại diện lãnh đạo Ủy ban Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang và lãnh đạo Ban Tôn giáo các tỉnh: An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần thơ,... Sau 24 năm từ ngày giải phóng miền Nam (1975), Đại hội Đại biểu lần thứ nhất là sự kiện trọng đại đánh dấu giai đoạn phát triển mới của Phật giáo Hòa Hảo.

Đại hội đã thông qua *Quy chế* hoạt động và bầu *Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo* cấp toàn đạo gồm 11 thành viên, do ông Nguyễn Văn Tôn làm Trưởng ban, ông Nguyễn Văn Đạt làm Phó Trưởng Ban, ông Nguyễn Huy Diễm làm Tổng Thư ký. Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo là bước quá độ để tiến tới thành lập Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo. *Bản Quy chế* cũng là bước quá độ tiến tới *Hiến chương* cho toàn đạo. Ngoài Lời mở đầu, bản Quy chế gồm 7 chương, 24 điều. Cụ thể: Chương 1- Phật giáo Hòa Hảo - Tôn chỉ, tín đồ và nghi thức thờ cúng; Chương II - Nhiệm vụ của Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo; Chương III- Tổ chức và trụ sở; Chương IV - Đại hội và hội nghị; Chương V - Tuyên dương công đức và kỷ luật; Chương VI - Tài chính và thủ bản; Chương VII - Sửa đổi Quy chế (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2003). Mặc dù là Quy chế hoạt động của Ban Đại diện, nhưng mang tính chất của bản Hiến chương. Tuy là Ban Đại diện nhưng cũng mang tính chất, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức

giáo hội, trong đó có việc thành lập Ban Đại diện ở cơ sở theo đơn vị xã, phường - một điều rất quan trọng đối với một cộng đồng tín đồ cụ thể của tất cả các tôn giáo.

Đã có kinh nghiệm từ việc giải quyết quá trình thành lập pháp nhân của đạo Cao Đài nên việc Nhà nước công nhận Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo và Quy chế hoạt động được thực hiện khá nhanh chóng. Sau Đại hội, Ban Vận động chuẩn bị các thủ tục, có Tờ trình số 03/TT/BVĐ, ngày 26/5/1999; đồng thời Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang có ý kiến đề nghị qua Công văn số 664/CV-UB, ngày 31/5/1999. Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 118/VPCP-NC, ngày 21/5/1999 của Văn phòng Chính phủ, ông Lê Quang Vĩnh, Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ ký Quyết định 21/QĐ-TGCP, ngày 16/6/1999 *Về việc chấp thuận tổ chức và hoạt động của Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo* với 11 thành viên, do ông Nguyễn Văn Tôn giữ chức Trưởng ban, các ông Bùi Văn Đương, Nguyễn Tấn Đạt, Thái Văn Năm giữ chức Phó ban, ông Nguyễn Huy Diễm giữ chức Thư ký (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2003, tr. 367). Trụ sở Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo đặt tại An Hòa Tự, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Sau khi Nhà nước công nhận Quy chế và Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo, các hoạt động của Phật giáo Hòa Hảo được phục hồi, tạo ảnh hưởng lớn đối với tôn giáo và xã hội. Trước tình hình này, nhóm mang danh “Phục hoạt Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo” do ông Lê Quang Liêm đứng đầu có đơn kiện đưa ra những vấn đề xuyên tạc về Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo, bên cạnh đó có những hoạt động chống đối, gây ra những vụ việc làm mất trật tự xã hội và an ninh chính trị. Điển hình là vụ việc tụ tập gây rối tại Vườn hoa Lê Văn Tám tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 1999 và ở cầu Mỹ Thuận (Vĩnh Long) năm 2000,... Tuy nhiên, những hoạt động cực đoan của nhóm ông Lê Quang Liêm không được tín đồ Phật giáo Hòa Hảo và các tôn giáo khác ủng hộ nên tự tan rã.

Sau 5 năm hoạt động (1999-2004), ngày 08 và 09/06/2004, Đại hội nhiệm kỳ II (2004) của Phật giáo Hòa Hảo được tổ chức tại An Hòa Tự (An Giang) với sự tham dự của 571 đại biểu tín đồ. Đại hội đã chính thức sử dụng danh xưng Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, thông qua Hiến chương (thay cho Quy chế) và suy cử Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo (thay cho Ban Đại diện). Được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn 521/VPCP-NC, ngày 25/6/2004, của Văn phòng Chính phủ, ông Ngô Yên Thi, Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ ra Quyết định số 25/QĐ-TGCP, ngày 20/6/2004, chấp nhận Hiến chương và nhân sự Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo. Quyết định này được xem là hoàn chỉnh pháp nhân của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo. Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo nhiệm kỳ 2004 - 2009 có 21 thành viên. Ông Nguyễn Văn Tôn được bầu giữ chức Trưởng ban, Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo (Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, 2004).

Hiến chương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo gồm 5 chương, 70 điều, là sự phát triển của bản Quy chế hoạt động, nhưng thay đổi về tên gọi và cơ cấu tổ chức, hoạt động theo cơ chế giáo hội của toàn đạo. Theo bản Hiến chương 2004, cơ cấu tổ chức Giáo hội Phật giáo Hòa

Hào được hình thành hai cấp: Ban Trị sự Trung ương và ban trị sự xã (phường), ngoài ra ở cấp tỉnh (thành) có ban đại diện. Ban Trị sự Trung ương gồm 21 thành viên. Giúp việc cho Ban Trị sự Trung ương có các bộ phận chuyên môn như: Văn phòng, Ban Tài chính, Ban Phổ truyền giáo lý, Ban Tổ chức và nhân sự, Ban Từ thiện - xã hội, Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của Ban trị sự Trung ương là 5 năm. Trụ sở Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đặt tại An Hòa Tự, xã Phú Tân, tỉnh An Giang (trước 01/07/2025 là xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang) (Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, 2004).

Ban Trị sự xã có từ năm đến bảy thành viên, gồm Trưởng ban, Phó ban, thư ký và trị sự viên cơ sở. Tùy theo yêu cầu đạo sự, Ban Trị sự xã cử trị sự viên phụ trách các lĩnh vực từ thiện xã hội, phổ truyền giáo lý, tài chính, kiểm soát. Nhiệm kỳ của ban trị sự xã là 5 năm theo nhiệm kỳ của Ban Trị sự Trung ương. Ban Trị sự Trung ương và Ban Trị sự xã là hai cấp hành chính chính thức của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, có con dấu pháp lý riêng để giải quyết các công việc đạo sự.

Hiến chương Phật giáo Hòa Hảo năm 2004 chính thức quy định hình thành đại diện ở các tỉnh là một người được cơ cấu trong số những ủy viên của Ban Trị sự trung ương. Giúp việc cho các đại diện tỉnh là các trợ lý đạo sự. Đại diện tỉnh là cánh tay vươn dài của Ban Trị sự Trung ương, là gạch nối giữa Ban Trị sự Trung ương với Ban Trị sự xã. Nhiệm kỳ của đại diện tỉnh cũng là 5 năm, theo nhiệm kỳ của Ban Trị sự Trung ương.

Như vậy, quá trình công nhận tổ chức Phật giáo Hòa Hảo qua hai bước, từ Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo (1999) đến Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo (2004), từ Quy chế hoạt động của Ban Đại diện đến Hiến chương cho toàn đạo - Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo (2004). Cả hai lần đều được Thủ tướng Chính phủ xem xét và ủy quyền cho Ban Tôn giáo Chính phủ chấp thuận. Việc thực hiện hai bước của quá trình công nhận có ý nghĩa với Phật giáo Hòa Hảo và phù hợp với hoàn cảnh cụ thể liên quan đến tôn giáo này. Điều đáng quan tâm là việc Nhà nước công nhận pháp nhân Phật giáo Hòa Hảo đã đánh dấu sự chuyển biến về nhận thức và ứng xử đối với Phật giáo Hoà Hảo thời kỳ Đổi mới; đồng thời tạo niềm tin của tín đồ Phật giáo Hoà Hảo đối với Nhà nước. Từ đây, Phật giáo Hoà Hảo thực hiện đường hướng đã được xác định: “*Vì Đạo pháp, vì Dân tộc*” (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2003, tr. 371).

2. Chính sách đối với đạo Tin Lành thời kỳ Đổi mới và việc công nhận tổ chức Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam)

2.1. Chính sách đối với đạo Tin Lành thời kỳ Đổi mới

Năm 1975, đạo Tin Lành ở Việt Nam chỉ có gần 180.000 tín đồ thuộc hơn một chục tổ chức, chủ yếu ở các tỉnh phía Nam. Trong các tổ chức Tin Lành thì Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) là lớn nhất với khoảng 150.000 tín đồ, trong đó ở Tây Nguyên có 55.000 tín đồ. Sau ngày giải phóng miền Nam, do nhiều nguyên nhân, trong đó có vấn đề nhận thức về đạo Tin Lành là một tôn giáo được truyền vào từ Mỹ, một số chức sắc Tin Lành ở Tây Nguyên theo tổ chức phản động FULRO, nên tạo ra những nhận thức và ứng xử riêng đối với

đạo Tin Lành. Các tổ chức Tin Lành trong đó có Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) chưa được công nhận về tổ chức. Tuy chưa được công nhận về tổ chức, và ở Tây Nguyên chưa được sinh hoạt tôn giáo chính thức (vì có sự lợi dụng của FULRO), nhưng đạo Tin Lành nói chung và Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) vẫn được tồn tại và phát triển với tốc độ nhanh, hình thành nhiều tổ chức hệ phái và mở rộng phạm vi hoạt động, không chỉ ở miền Nam mà lan ra các tỉnh phía Bắc, trong đó có vùng đồng bào Hmông (Mông) theo Tin Lành. Đến thời điểm năm 2000, cả nước có đến 800.000 tín đồ và 50 tổ chức Tin Lành, trong đó Hội thánh Tin Lành Việt Nam chiếm 75% số lượng tín đồ (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2000).

Trước sự phát triển đột biến của đạo Tin Lành, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, Tây Bắc, đạo Tin Lành trở thành vấn đề “vừa mới, vừa lớn, vừa khó”, nên Trung ương đã ban hành một số văn bản chỉ đạo về công tác đối với đạo Tin Lành: Thông báo số 184/TB-TW (1998), Thông báo số 255/TB-TW (1999), Thông báo số 160/TB-TW (2004) và Chỉ thị số 01/CT-TTg (2005) để đạo Tin Lành hoạt động đúng quy định của pháp luật. Theo đó, về mặt tổ chức của đạo Tin Lành, chủ trương của Đảng và Nhà nước là: “Xem xét công nhận tư cách pháp nhân tổ chức giáo hội đối với những hệ phái Tin Lành hoạt động bình thường, ổn định, để cùng với các mặt công tác khác nhanh chóng làm chuyển hóa thái độ của đạo Tin Lành, nhất là Tin Lành ở miền Nam, trở thành một tôn giáo tiến bộ, gắn bó với dân tộc, hoạt động tôn giáo tuân thủ chính sách pháp luật, ủng hộ và tham gia sự nghiệp đổi mới của đất nước” (Ban Tôn giáo Chính phủ, 1999).

2.2. Công nhận Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam)

Trong quá trình thực hiện các văn bản nói trên, Ban Tôn giáo Chính phủ đã hướng dẫn Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) chuẩn bị các bước tiến tới Đại hội đồng, bầu Ban Trị sự Tổng Liên hội và thông qua *Hiến chương*. Rút kinh nghiệm việc công nhận đối với các tổ chức Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, đặt trong hoàn cảnh việc ngừng hoạt động trong thời gian dài, các vị lãnh đạo chủ chốt của Tổng Liên hội đã qua đời, nên để tiến tới Đại hội đồng, Ban Vận động Đại hội đồng Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) được thành lập, do Mục sư Dương Thanh làm Trưởng ban, các Mục sư Ngô Văn Bửu, Trần Bá Thành, Đinh Thống làm Phó ban. Đặc biệt, tham gia Ban Vận động có hai nhân sự ở Tây Nguyên là Mục sư Ksor Brao (Gia Lai), Mục sư Ha Brong (Lâm Đồng). Vấn đề Hiến chương đối với Tin Lành là rất quan trọng, vì đạo Tin Lành không duy trì giáo luật chung như Công giáo, mà mỗi tổ chức Tin Lành phải có Hiến chương để xác định tín lý (tín điều), nghi lễ, tổ chức, mối quan hệ trong đạo và xã hội. Do vậy, tháng 10/2000, sau khi được thành lập, Ban Vận động Đại hội đồng Tổng Liên hội, Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) đã thành lập Ban Soạn thảo Hiến chương do Mục sư Ngô Văn Bửu làm Trưởng ban.

Sau một thời gian chuẩn bị tích cực và trách nhiệm, Đại hội đồng Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) lần thứ I/2001 (lần thứ 43 theo lịch sử của Giáo hội) từ ngày 07 đến 09/02/2001 được tổ chức thành công tại Thành phố Hồ Chí Minh, với 378 đại biểu của các tỉnh phía Nam tham dự (Nguyễn Thanh Xuân, 2019, tr. 410). Đại hội đồng Hội thánh Tin

Lành Việt Nam (miền Nam) diễn ra cùng thời gian xảy ra cuộc bạo loạn chính trị ở Tây Nguyên tháng 02/2001, do tổ chức phản động FULRO lôi kéo một số người dân tộc thiểu số, trong đó có một số người theo đạo Tin Lành tham gia. Sự kiện này cũng thu hút sự chú ý của quốc tế đối với vấn đề tôn giáo ở Việt Nam với những thái độ khác nhau, cả tích cực và tiêu cực. Trong bối cảnh này, được sự hỗ trợ của Ban Tôn giáo Chính phủ và các địa phương, 50 đại biểu ở Tây Nguyên đã về dự, góp phần vào thành công của Đại hội (Nguyễn Thanh Xuân, 2019, tr. 412). Đây cũng là dấu ấn đầu tiên của quá trình bình thường hóa hoạt động của đạo Tin Lành ở Tây Nguyên và là cơ sở đề xuất Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg *Về một số công tác đối với đạo Tin Lành* (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2005), một văn bản đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý đối với đạo Tin Lành thời kỳ Đổi mới.

Khi Đại hội đồng chuẩn bị diễn ra, vì nhiều lý do, phía chính quyền đặt vấn đề lấy tên là Đại hội lần thứ I, phía Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) xin được tiếp tục ghi là lần thứ 43. Cuối cùng, giải pháp dung hòa là: *Đại hội đồng lần I/2001 (lần thứ 43 theo lịch sử Giáo hội)*. Từ Đại hội đồng năm 2001 đến năm 2022, trải qua năm lần Đại hội đồng tiếp theo đều trở lại với thứ tự truyền thống: lần thứ 44 (2005 - 2009), 45 (2009 - 2013), 46 (2013 - 2017), 47 (2017 - 2021) và gần đây lần thứ 48 (2021 - 2025), vì lịch sử là một dòng chảy.

Đại hội đồng thông qua Hiến chương và bầu ra Ban Trị sự Tổng Liên hội. Đối với đạo Tin Lành, do không có giáo luật riêng như Công giáo nên Hiến chương (Điều lệ) có vai trò quan trọng không chỉ về tổ chức mà còn là nếp sống tôn giáo. Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) đã có cả quá trình xây dựng và tu chỉnh Hiến chương nên dự thảo Hiến chương được quan tâm, nhất là những điều chỉnh để phù hợp với môi trường xã hội mới. Hiến chương được thông qua Đại hội đồng gồm 10 chương, 79 điều. Cụ thể: Chương I - Những quy định chung; Chương II - Tổ chức; Chương III - Chi hội; Chương IV - Tổng Liên hội; Chương V - Những cơ quan của giáo hội; Chương VI - Tấn phong, bổ nhiệm, hưu trí, ngưng chức, cách chức hàng giáo phẩm; Chương VII - Quan hệ xã hội; Chương VIII - Sản nghiệp giáo hội; Chương IX - Tín lý; Chương X - Tu chỉnh Hiến chương. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) xây dựng cơ chế giáo hội hai cấp: Tổng Liên hội và Chi hội - Hội thánh cơ sở. Ngoài ra, ở các tỉnh có đông tín đồ thành lập ban đại diện nhưng không phải là cấp hành chính (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2003).

Theo truyền thống của đạo Tin Lành, duy trì tổ chức mang tính liên hiệp, nhân sự lãnh đạo đảm nhiệm công việc theo nhiệm kỳ và được bầu cử bằng phiếu kín theo từng chức danh, không có ứng viên, tất cả đại biểu dự Đại hội đồng đều là ứng viên. Điều này làm cho những ngành chức năng có liên quan, nhất là những ai chưa hiểu về đạo Tin Lành, băn khoăn, thậm chí lo ngại. Kết quả Đại hội đồng lần thứ 43 của Hội thánh Tin Lành đã bầu Ban Trị sự kéo dài trọn một ngày. Ban Trị sự Tổng Liên hội gồm 25 người - những người tiêu biểu, gồm: Mục sư Phạm Xuân Thiều giữ chức Tổng Hội trưởng, Mục sư Dương Thạnh, Mục sư Tăng Văn Hy, Mục sư Ngô Văn Bửu giữ chức Phó Tổng Hội trưởng, Mục sư Thái Phước Trường

giữ chức Tổng Thư ký, Mục sư Nguyễn Văn Thái làm Tổng Thủ quỹ (Nguyễn Thanh Xuân, 2019, tr. 412).

Xét đề nghị của Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) tại Văn thư đề ngày 12/02/2001, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 05/CP-NC, ngày 19/01/2001 của Văn phòng Chính phủ, ông Lê Quang Vịnh, Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ ra Quyết định số 15/QĐ-TGCP, ngày 16/3/2001, về việc *Công nhận tư cách pháp nhân của Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam)* (Ban tôn giáo Chính phủ, 2003, tr. 89). Từ đây, Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) có tư cách pháp nhân, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam.

Về mặt tổ chức, từ năm 2002 trở đi, để hỗ trợ công việc lãnh đạo của Tổng Liên hội, Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) bổ sung cơ cấu tổ chức mới: Hội đồng Giáo phẩm theo nhiệm kỳ hai năm, với số lượng năm thành viên được bầu ra từ Đại hội đồng Giáo phẩm (gồm tất cả các mục sư, mục sư nhiệm chức, truyền đạo, bà quả phụ mục sư, truyền đạo). Hội đồng Giáo phẩm - một cơ chế mới được xác định trong Hiến chương. Mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng giáo phẩm, Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) đều thực hiện đăng ký nhân sự với chính quyền qua Ban Tôn giáo Chính phủ. Từ khi thành lập năm 2002 đến năm 2022, Hội đồng Giáo phẩm Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) đã qua 10 nhiệm kỳ.

Công nhận pháp nhân đối với Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) là dấu ấn đặc biệt quan trọng trong nhận thức và ứng xử với đạo Tin Lành - một vấn đề tôn giáo “vừa mới, vừa lớn, vừa khó”. Cụ thể: *mới* là chưa có nhiều nghiên cứu về đạo Tin Lành trong khi đạo Tin Lành phát triển nhanh sau năm 1986; *lớn* là Tin Lành liên quan đến vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và người Mông (Hmông) ở miền núi phía Bắc, liên quan đến sự chú ý của một số dư luận quốc tế theo hướng không thiện chí; *khó* là nhận thức và ứng xử với đạo Tin Lành ở các ngành, các cấp còn có sự khác nhau nên Trung ương phải có những văn bản chỉ đạo cụ thể để thống nhất giải quyết. Điều không thể không đề cập là Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) khi được công nhận tư cách pháp nhân đã xác định đường hướng hoạt động: “*Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và dân tộc*” (Ban tôn giáo Chính phủ, 2003, tr. 125).

KẾT LUẬN

Công nhận tư cách pháp nhân đối với Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo và Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), hai tổ chức tôn giáo lớn có ảnh hưởng quan trọng ở các tỉnh phía Nam, là một trong những sự kiện tôn giáo nổi bật cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI. Riêng việc công nhận pháp nhân đối với Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) đã thu hút sự chú ý ở trong nước và quốc tế.

Công nhận pháp nhân đối với Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo và Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) có những nét đặc thù và các bước đi phù hợp, đánh dấu một bước chuyển quan trọng về nhận thức trong hệ thống chính trị và xã hội về Phật giáo Hòa Hảo và đạo Tin Lành theo hướng tích cực. Bên cạnh việc đổi mới nhận thức về tôn giáo, cùng với pháp nhân

các tổ chức Cao Đài, quá trình hình thành và đi đến công nhận tư cách pháp nhân của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo và Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) đã để lại những kinh nghiệm có ý nghĩa cho việc công nhận pháp nhân tôn giáo ở các giai đoạn sau này./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tôn giáo Chính phủ. (1998). *Tờ trình về chủ trương công tác đối với Phật giáo Hòa Hảo trong tình hình mới*. Tài liệu lưu trữ. Hà Nội.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ. (1999). *Thông báo số 255-TB/TW (1999) về chủ trương công tác đối với đạo Tin Lành*. Tài liệu lưu trữ. Hà Nội.
3. Ban Tôn giáo Chính phủ. (2000). *Số liệu về đạo Tin Lành ở cả nước năm 2000*. Tài liệu lưu trữ. Hà Nội.
4. Ban Tôn giáo Chính phủ. (2003). *Tập văn bản về tổ chức và đường hướng hành đạo của các tôn giáo tại Việt Nam*. Nxb. Tôn giáo.
5. Ban Tôn giáo Chính phủ. (2005). *Chỉ thị số 01/CT-TTg Về một số công tác đối với đạo Tin Lành*. Tài liệu lưu trữ. Hà Nội.
6. Bùi Thị Thu Hà. (2012). *Phật giáo Hòa Hảo tri thức cơ bản*. Nxb. Từ điển bách khoa.
7. Đỗ Hữu Nghiêm. (1995). *Đạo Tin Lành ở Tây Nguyên, Nam Trường Sơn*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Giáo Hội Phật giáo Hòa Hảo. (1966). *Hiến chương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo*. Hoa Sen. Châu Đốc.
9. Giáo Hội Phật giáo Hòa Hảo. (2004). *Hiến chương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo*. Nxb. Tôn giáo.
10. Hội thánh Tin Lành Việt Nam. (1958). *Điều lệ của Hội thánh Tin Lành Việt Nam năm 1958*. Nhà in Tin Lành.
11. Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam). (2001). *Hiến chương Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) năm 2021*. Nxb. Tôn giáo.
12. Lê Hoàng Phu. (2010). *Lịch sử Hội thánh Tin Lành Việt Nam (1911 - 1965)*. Nxb. Tôn giáo.
13. Nguyễn Xuân Hùng. (2017). *Quá trình truyền giáo của đạo Tin Lành tại Việt Nam (Từ năm 1911 đến năm 1975)*. [Luận án tiến sĩ Lịch sử, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam].
14. Nguyễn Thanh Xuân. (2016). *Một số tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb. Tôn giáo.
15. Nguyễn Thanh Xuân. (2019). *Đạo Tin Lành trên thế giới và ở Việt Nam*. Nxb. Tôn giáo.